

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Đào Hồng Quang – Thư ký tổ CGXDKH&LCNT. Số điện thoại: 0972.176.288. Email tiếp nhận báo giá: dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: Văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về Tổ CGXDKH&LCNT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: 01 bản scan và 01 bản excel gửi về email dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá:

- Từ 09h00 ngày 16/9/2024 đến trước 09h00 phút ngày 26/09/2024.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26/09/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, hóa chất, sinh phẩm....(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Bên mua thanh toán một lần 100% hoặc theo từng đợt gọi hàng giá trị thực hiện hợp đồng cho bên bán sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế Quảng Ninh (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

Vũ Quyết Thắng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số: 1872/TTKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 16/09/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
Mua vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong giám sát các vụ ngộ độc trên địa bàn tỉnh				
1	Thuốc thử Bactident Oxidase: N,N,N',N'-Tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride	5g/chai	Chai	01
2	Thạch Pepton đệm (Buffered Peptone Water): Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone 10.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Disodium phosphate 3.5 g/l Potassium dihydrogen phosphate 1.5 g/l pH 7.2 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	2
3	Thạch Peptone from casein (Tryptone): Thành phần Peptone từ casein (tryptone) Thành phần công thức: Total Nitrogen 13.3% Amino Nitrogen 3.7% Sodium chloride 0.4% pH (2% solution) 7.3 ± 0.2	500G/chai	Chai	2
4	Thạch SS Môi trường thành phần tổng hợp: Beef extract hoặc tương đương 5.0 g/L Peptone 5.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 8.5 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Sodium thiosulphate 8.5 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Brilliant green 0.00033 g/L Neutral red 0.025 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.0 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	2
5	Thạch Nutrient agar: Môi trường thành phần tổng hợp: Beef extract hoặc tương đương: 1.0 g/L Yeast extract 2.0 g/L Peptone 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	500G/chai	Chai	2
6	Thạch Baird-Parker base: Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 10.0 g/L Beef extract hoặc tương đương 5.0 g/L Yeast extract 1.0 g/L Sodium pyruvate 10.0 g/L Glycine 12.0 g/L Lithium chloride 5.0 g/L Agar 20.0 g/L pH 6.8 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	2
7	Lòng đỏ trứng có Tellurite (Egg yolk tellurite emulsion): Thành phần : Sterile Egg-Yolk 200 ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l	100ml/chai	Chai	2
8	Thuốc thử coagulase (Bactident® Coagulase Rabbit plasma with EDTA, lyophilized) Huyết tương khô được sử dụng để phát hiện enzyme coagulase của vi khuẩn tụ cầu, nhận biết bằng hiện tượng tạo kết tủa	15mL/chai	Hộp	2
9	Máu Cừu khử sợi huyết (Sheep Blood Defibrinated) Máu cừu đã được tách sợi huyết	100mL/chai	Chai	5

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	Mua vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong giám sát các vụ ngộ độc trên địa bàn tỉnh			
	Đã được kiểm tra vô khuẩn. Tỷ lệ hồng cầu cừu: 50-60%			
10	Thạch Brila BRILA (Brilliant-green bile Lactose) broth: Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Ox bile (purified) 20.0 g/L Brilliant green 0.0133 g/L pH 7.4 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	2
11	Thạch TCBS: Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 5.0 g/L Bacteriological peptone 10.0 g/L Sodium thiosulphate 10.0 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Ox Bile 8.0 g/L Sucrose 20.0 g/L Sodium chloride 10.0 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Bromothymol blue 0.04 g/L Thymol blue 0.04 g/L Agar 14.0 g/L pH 8.6 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	2
12	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	4 ống/bộ	Bộ	100
13	Thạch Brain-heart infusion broth (canh thang BHI) Môi trường thành phần tổng hợp: Brain infusion solids: 12.5 g/L Beef heart infusion solids: 5.0 g/L Proteose peptone 10.0 g/L Glucose 2.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Disodium phosphate 2.5 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	500G/chai	Chai	01
14	Thạch: XLD (Xylose Lysine Deoxycholate) agar: Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 3.0 g/L L-Lysine HCl 5.0 g/L Xylose 3.75 g/L Lactose 7.5 g/L Sucrose 7.5 g/L Sodium desoxycholate 1.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Sodium thiosulphate 6.8 g/L Ferric ammonium citrate 0.8 g/L Phenol red 0.08 g/L Agar 12.5 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	500G/chai	Chai	1
15	Hóa chất Sodium hydrogen selenite Công thức tuyến tính: NaHSeO3 Sử dụng bổ sung vào thành phần môi trường Selenite Broth Base, Mannitol Selenite Broth Base, hoặc Selenite Cystine Broth Base trong thử nghiệm nuôi cấy vi khuẩn Salmonella	100g/ chai	Chai	01
16	Môi trường MULLER-KAUFFMANN TETRATHIONATE-NOVOBIOCIN BROTH (MKTTn) Môi trường thành phần tổng hợp: Meat extract 4.3 g/L Enzymatic digest of casein 8.6 g/L Sodium chloride 2.6 g/L Calcium carbonate 38.7 g/L Sodium thiosulphate (anhydrous) 30.5 g/L Ox bile 4.78 g/L	500G/chai	Chai	01

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	Mua vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong giám sát các vụ ngộ độc trên địa bàn tỉnh			
	Brilliant green 0.0096 g/L pH 8.0 ± 0.2 ở 25°C Tỷ lệ bổ sung selective supplement cho 1 lit môi trường: 4 vials Novobiocin 10mg. Bộ sản phẩm cung cấp tiêu chuẩn gồm: chai 500g + 30 vials Novobiocin 10mg			
17	Môi trường RAPPAPORT-VASSILIADIS-Soya broth (base) Môi trường thành phần tổng hợp: Soya peptone 5.0 g/1110ml Sodium chloride 8.0 g/1110ml Potassium dihydrogen phosphate 1.6 g/1110ml Magnesium chloride 6H ₂ O 40.0 g/1110ml Malachite green 0.04 g/1110ml pH 5.2 ± 0.2 ở 25°C	500G/chai	Chai	01
18	Thạch Macconkey Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 20.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Neutral red 0.075 g/L Agar 12.0 g/L pH 7.4 ± 0.2	500G/chai	Chai	01
19	Thạch Endo Thành phần: Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Di-potassium phosphate 3.5 g/L Sodium sulphite 2.5 g/L Agar 10.0 g/L pH 7.5 ± 0.2 ở 25°C Tỷ lệ bổ sung selective supplement cho 1 lit môi trường: 6ml dung dịch Fuchsin 10% BR0050 Bộ sản phẩm cung cấp tiêu chuẩn gồm: chai 500g + lọ 10g Basic Fuchsin - Technical Dye	500G/chai	Chai	01
20	Muối NaCl SODIUM CHLORIDE BACTERIOLOGICAL Muối NaCl, được sử dụng làm thành phần bổ sung trong môi trường nuôi cấy vi khuẩn Độ tinh khiết tối thiểu 99,5% Dung dịch nồng độ 10% có màu trong suốt, không có cặn đục	500G/chai	Chai	01
21	Cao thịt Beef extract hoặc tương đương: 500g Môi trường dạng bột mịn màu vàng ron nhạt, dễ hòa tan Thường được sử dụng ở nồng độ 0,2 - 1,0% (w/v) tùy thuộc vào yêu cầu môi trường pH (25°C) (dung dịch nồng độ 2%) 7.2 ± 0.2 Thất thoát khối lượng khi sấy ít hơn hoặc bằng 7,5%	500G/chai	Chai	1
22	Thạch bột agar AGAR BACTERIOLOGICAL Môi trường dạng bột mịn màu trắng tới vàng rom, dễ hòa tan pH (25°C) 6.0-7.5 Khối lượng hao hụt khi sấy: <10% Ca ≤ 325ppm Mg ≤ 140ppm Thành phẩm dạng gel trong suốt, đặc, thu được ở mức 1,5% w/v.	500G/chai	Chai	1
23	Thạch EC (Escherichia coli broth) Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 20 g/L Lactose 5.0 g/L Bile salts No. 3 1.5 g/L Di-potassium phosphate 4.0 g/L	500G/chai	Chai	01

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	Mua vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong giám sát các vụ ngộ độc trên địa bàn tỉnh			
	Mono-potassium phosphate 1.5 g/L Sodium chloride 5.0 g/L pH 6.9 ± 0.2 @ 25°C			
24	Thuốc thử KOVACS Thành phần điển hình: n-Butanol; axit hydrochloric; 4-dimetylaminobenzaldehyd. Giá trị pH: <1 (H ₂ O, 20 °C) Mật độ: 0,92 g/cm ³ (20 °C) Điểm cháy: 36 °C Nhiệt độ bảo quản: +2°C đến +8°C.	100ml/ chai	Chai	01
25	Thạch TBX (Tryptone Bile X-glucuronide) Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 20.0 g/L Bile Salts No.3 1.5 g/L Agar 15.0 g/L X-glucuronide 0.075 g/L pH 7.2 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	01
26	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 1 Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 1: bao gồm O1, O26, O86a, O111, O119, O127a, O128	2mL/Lọ	Lọ	01
27	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 2 Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 2: bao gồm O44, O55, O125, O126, O146, O166	2mL/Lọ	Lọ	01
28	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 3 Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 3: bao gồm O18, O114, O142, O151, O157, O158	2mL/Lọ	Lọ	01
29	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 4 Polyvalent 4: bao gồm O6, O27, O78, O148, O159, O168	2mL/Lọ	Lọ	01
30	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm T: '- Kháng huyết thanh để định danh Salmonella O2	2mL/Lọ	Lọ	01
31	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm A: '- Kháng huyết thanh để định danh Salmonella O4	2mL/Lọ	Lọ	01
32	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm B: '- Kháng huyết thanh để định danh Salmonella O7	2mL/Lọ	Lọ	01
33	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm C: '- Kháng huyết thanh để định danh Salmonella O8	2mL/Lọ	Lọ	01
34	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm Vi: Kháng huyết thanh để định danh Salmonella nhóm Vi	2mL/Lọ	Lọ	01
35	Kháng huyết thanh Salmonella đơn giá O '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Salmonella O. Đóng gói: 2mL/Lọ		Lọ	01
36	Kháng huyết thanh Shigella đa giá A1: '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella dysenteriae. Polyvalent A1: bao gồm S. dysenteriae type 8, 9, 10, 11, 12	2mL/Lọ	Lọ	01
37	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm B: Shigella As flexneri polyB '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella flexneri Polyvalent B: bao gồm S. flexneri type I, II, III, IV, V, VI và group (3)4, 6 và 7(8)	2mL/Lọ	Lọ	01
38	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C: bao gồm S. boydii type 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	2mL/Lọ	Lọ	01
39	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C1 '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C1: bao gồm S. boydii type 8, 9, 10, 11	2mL/Lọ	Lọ	01

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
Mua vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong giám sát các vụ ngộ độc trên địa bàn tỉnh				
40	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C2 '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C2: bao gồm S. boydii type 12, 13, 14, 15	2mL/Lọ	Lọ	01
41	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C: Shigella As boydii poly C3 '- Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C3: bao gồm S. boydii type 16, 17, 18	2mL/Lọ	Lọ	01
42	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm D: Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Shigella sonnie. Polyvalent D: bao gồm S. Sonnie phase I và II	2mL/Lọ	Lọ	01
43	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O1: Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Ogawa và Inaba	2mL/Lọ	Lọ	01
44	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O139: Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh V. Cholerae O139" Bengal"	2mL/Lọ	Lọ	01
45	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Ogawa: Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Ogawa	2mL/Lọ	Lọ	01
46	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Inaba: Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Inaba Đóng gói: 2mL/Lọ		Lọ	01
47	Canh thang Lauryl Sulfate Broth Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptose 20.0 g/L Lactose 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 2.75 g/L Potassium dihydrogen phosphate 2.75 g/L Sodium lauryl sulphate 0.1 g/L pH 6.8 ± 0.2 @ 25°C	500G/chai	Chai	01
48	Chủng chuẩn định tính Escherichia coli ATCC 25922 PK/2 Chủng chuẩn vi sinh vật định tính, thế hệ 1-2.	1 que/bộ	Bộ	02
49	Chủng chuẩn định tính Staphylococcus aureus ATCC 29213 PK/5 Chủng chuẩn vi sinh vật định tính, thế hệ 3.	5loop / gói	Gói	02
50	Chủng chuẩn định tính ATCC Salmonella enterica (S. enterica sv Typhimurium ATCC14028 PK/2) Chủng chuẩn vi sinh vật định tính, thế hệ 1-2.	1 que/bộ	Gói	02
51	Chủng chuẩn định tính ATCC Shigella sonneiGPD ATTC 25931 PK/5) Chủng chuẩn vi sinh vật định tính, thế hệ 3.	5 loop / gói	Gói	02
52	Chủng chuẩn định tính ATCC/NCTC V. Parahaemolyticus (V. Parahaemolyticus 17802 PK/2) Chủng chuẩn vi sinh vật định tính, thế hệ 1-2.	1 que/bộ	Gói	02
53	Que cấy vi sinh 10ul Vòng lặp với kích thước 10ul được đo lường nghiêm ngặt, đầu còn lại có thể sử dụng như 1 que cấy thẳng. - Chất liệu nhựa, được tiệt trùng bằng tia gamma, không pyrogenic. Được đóng gói trong những túi zip và seal lại chắc chắn để đảm bảo sự tiệt trùng	25 cái/ túi	Túi	40
54	Túi đập mẫu có lọc 'Túi đập mẫu, có lọc, 400ml,	500 cái/hộp	Hộp	2
55	Túi đập mẫu Không lọc 'Túi đập mẫu, không lọc, 400ml,	500 cái/hộp	Hộp	2

PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số: 1872/TTKSBT- TCGXHKKH&LCNT ngày 16/09/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.